

**TỜ TRÌNH**

**Ban hành Nghị quyết Quy định tỷ lệ phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2017 - 2020**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính về ban hành Hệ thống Mục lục NSNN; Thông tư số 326/2016/TT-BTC ngày 23/12/2016 của Bộ Tài chính về việc Quy định tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN; Công văn số 9076/BTC-KBNN ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính về việc xây dựng quy định phân chia nguồn thu tiền chậm nộp NSDP được hưởng theo quy định cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh trình dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tỷ lệ phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2017 – 2020. Cụ thể như sau:

**1. Sự cần thiết và căn cứ ban hành Nghị quyết**

Ngày 21/12/2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 324/2016/TT-BTC về ban hành Hệ thống Mục lục NSNN. Theo đó đã bổ sung 28 tiểu mục chậm nộp để theo dõi, phân chia cho các cấp ngân sách tiền chậm nộp được quy định tại Thông tư số 326/2016/TT-BTC ngày 23/12/2016 và Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính, trong đó quy định các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100%, ngân sách địa phương hưởng 100% và các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, bao gồm cả khoản tiền thuế chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Tại khoản 2 Điều 1 Thông tư 326/2016/TT-BTC ngày 23/12/2016 quy định "UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp chính quyền địa phương phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương cho thời kỳ ngân sách mới". Mặt khác, tại Công văn số 9076/BTC-KBNN ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính quy định: "Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân quy định việc phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương".

Từ các lý do nêu trên và tình hình thực tế tại địa phương, việc ban hành Nghị quyết quy định tỷ lệ phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2017 – 2020 là cần thiết.

**2. Mục đích, quan điểm chỉ đạo việc xây dựng dự thảo Nghị quyết**

**a) Mục đích:**

Nghị quyết được xây dựng, ban hành nhằm đảm bảo phù hợp phân cấp nguồn thu và phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh

Bắc Giang giai đoạn 2017 – 2020. Tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị thực hiện phân cấp nguồn thu tiền chậm nộp theo đúng theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn liên quan.

b) Quan điểm chỉ đạo:

Xây dựng Nghị quyết phù hợp Luật NSNN năm 2015, các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, của các Bộ, ngành liên quan đến phân cấp ngân sách các cấp chính quyền địa phương. Đảm bảo các nguyên tắc, trình tự, thủ tục xây dựng văn bản QPPL.

**3. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết**

UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện việc xây dựng dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định. Dự thảo Nghị quyết đã được gửi đến các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến. Các cơ quan, đơn vị cơ bản nhất trí với dự thảo Nghị quyết; có 02 đơn vị là UBND huyện Lạng Giang và Cục thuế tỉnh có ý kiến khác, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính nghiên cứu, tiếp thu những ý kiến tham gia và giải trình cụ thể (có bảng tổng hợp kèm theo).

Ngày 13/11/2017, dự thảo Nghị quyết đã được Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tỉnh tổ chức thẩm tra. UBND tỉnh đã tiếp thu ý kiến thẩm tra và chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết cho phù hợp.

**4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết**

a. Nguyên tắc phân chia các khoản thu tiền chậm nộp:

- Hạn chế sử dụng nhiều tỷ lệ phân chia khác nhau đối với khoản thu tiền chậm nộp cũng như giữa các đơn vị hành chính trên địa bàn. Phân cấp nguồn thu tiền chậm nộp gắn với cấp nào quản lý thì phân chia cho ngân sách cấp đó.

- Khoản thu tiền chậm nộp thuộc nguồn thu gốc được điều tiết cho cấp nào thì phân chia khoản thu tiền chậm nộp cho ngân sách cấp đó.

b. Nội dung phân chia nguồn thu tiền chậm nộp:

**- Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%:**

+ Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân (không bao gồm thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản và thuế thu nhập cá nhân từ các cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ);

+ Tiền chậm nộp từ các sắc thuế: thuế GTGT (trừ thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu), thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, thuế TTĐB thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước của các đơn vị thuộc khu vực doanh nghiệp nhà nước trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (bao gồm cả các doanh nghiệp có số vốn đầu tư của nhà nước, đầu tư của nước ngoài chiếm tỷ lệ từ 50% trở xuống hoặc không còn phần vốn của nhà nước) và các cơ sở kinh tế của cơ quan hành chính, sự nghiệp, Đảng, đoàn thể cấp tỉnh quản lý;

+ Tiền chậm nộp thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước;

+ Tiền chậm nộp các khoản thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

+ Tiền chậm nộp tiền cho thuê tài sản nhà nước;

+ Tiền chậm nộp thu tiền thuê mặt đất, mặt nước của các doanh nghiệp nhà nước của các đơn vị thuộc khu vực doanh nghiệp nhà nước trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (bao gồm cả các doanh nghiệp có số vốn đầu tư của nhà nước, đầu tư của nước ngoài chiếm tỷ lệ từ 50% trở xuống hoặc không còn phần vốn của nhà nước);

+ Tiền chậm nộp các khoản phí, lệ phí do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện;  
+ Các khoản thu chậm nộp của các khoản thu khác còn lại do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quản lý.

**- Ngân sách cấp huyện, thành phố hưởng 100%:**

+ Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân từ các cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ;

+ Tiền chậm nộp từ các sắc thuế: thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, thuế TTĐB thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước của các doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, HTX sản xuất kinh doanh dịch vụ;

+ Tiền chậm nộp thu tiền thuê mặt đất, mặt nước của các doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, HTX sản xuất kinh doanh dịch vụ;

+ Tiền chậm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đổi giấy phép do UBND tỉnh cấp;

+ Tiền chậm nộp thu tiền sử dụng đất;

+ Tiền chậm nộp lệ phí trước bạ (không kể lệ phí trước bạ nhà đất);

+ Tiền chậm nộp các khoản phí, lệ phí do cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện;

+ Các khoản thu chậm nộp của các khoản thu khác còn lại do các cơ quan nhà nước cấp huyện, thành phố quản lý.

**- Ngân sách xã, phường, thị trấn hưởng 100%:**

+ Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản;

+ Tiền chậm nộp từ thuế GTGT của các cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ;

+ Tiền chậm nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất;

+ Tiền chậm nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

+ Tiền chậm nộp lệ phí trước bạ nhà, đất;

+ Tiền chậm nộp các loại phí, lệ phí do cấp xã thực hiện;

+ Các khoản thu chậm nộp của các khoản thu khác còn lại do UBND xã, phường, thị trấn quản lý.

Trên đây là nội dung Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định tỷ lệ phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017 - 2020. UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

(Gửi kèm theo Tờ trình này: (1) dự thảo Nghị quyết; (2) Thông tư số 324/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính; (3) Công văn số 9076/BTC-KBNN; (4) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (5) Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách).

**Nơi nhận:**

- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu dự kỳ họp, HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VP ĐDBQH tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, TKCT, TPKT, TH;
- + Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Thu Hà**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH BẮC GIANG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2017/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2017



**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định tỷ lệ phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**  
**KHOÁ XVIII- KỶ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về ban hành Hệ thống Mục lục ngân sách nhà nước;*  
*Căn cứ Thông tư số 326/2016/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc Quy định tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2017;*  
*Xét Tờ trình số 261/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh;*  
*Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Quy định tỷ lệ phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017 - 2020 như sau:**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định tỷ lệ phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương áp dụng thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

**2. Đối tượng áp dụng**

- a) Các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập, các huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện), các xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã);
- b) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến ngân sách nhà nước.

**Điều 2. Nguyên tắc phân chia các khoản thu tiền chậm nộp**

1. Hạn chế sử dụng nhiều tỷ lệ phân chia khác nhau đối với khoản thu tiền chậm nộp cũng như giữa các đơn vị hành chính trên địa bàn. Phân cấp nguồn thu tiền chậm nộp gắn với cấp nào quản lý thì phân chia cho ngân sách cấp đó.

2. Khoản thu tiền chậm nộp thuộc nguồn thu gốc được điều tiết cho cấp nào thì phân chia khoản thu tiền chậm nộp cho ngân sách cấp đó.

**Điều 3. Nội dung phân chia nguồn thu tiền chậm nộp giữa các cấp ngân sách**

### 1. Các khoản thu tiền chậm nộp ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%

a) Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân (không bao gồm thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản và thuế thu nhập cá nhân từ các cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ);

b) Tiền chậm nộp từ các sắc thuế: thuế giá trị gia tăng (trừ thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu), thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước của các đơn vị thuộc khu vực doanh nghiệp nhà nước trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (bao gồm cả các doanh nghiệp có số vốn đầu tư của nhà nước, đầu tư của nước ngoài chiếm tỷ lệ từ 50% trở xuống hoặc không còn phần vốn của nhà nước) và các cơ sở kinh tế của cơ quan hành chính, sự nghiệp, Đảng, đoàn thể cấp tỉnh quản lý;

c) Tiền chậm nộp thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước;

d) Tiền chậm nộp các khoản thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

đ) Tiền chậm nộp tiền cho thuê tài sản nhà nước;

e) Tiền chậm nộp thu tiền thuê mặt đất, mặt nước của các doanh nghiệp nhà nước của các đơn vị thuộc khu vực doanh nghiệp nhà nước trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (bao gồm cả các doanh nghiệp có số vốn đầu tư của nhà nước, đầu tư của nước ngoài chiếm tỷ lệ từ 50% trở xuống hoặc không còn phần vốn của nhà nước);

g) Tiền chậm nộp các khoản phí, lệ phí do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện;

h) Các khoản thu chậm nộp của các khoản thu khác còn lại do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quản lý.

### 2. Các khoản thu tiền chậm nộp ngân sách cấp huyện hưởng 100%

a) Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân từ các cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ;

b) Tiền chậm nộp từ các sắc thuế: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước của các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ;

c) Tiền chậm nộp thu tiền thuê mặt đất, mặt nước của các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ;

d) Tiền chậm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối giấy phép do UBND tỉnh cấp;

đ) Tiền chậm nộp thu tiền sử dụng đất;

e) Tiền chậm nộp lệ phí trước bạ (không kể lệ phí trước bạ nhà đất);

g) Tiền chậm nộp các khoản phí, lệ phí do cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện;

h) Các khoản thu chậm nộp của các khoản thu khác còn lại do các cơ quan nhà nước cấp huyện, thành phố quản lý.

### 3. Các khoản thu tiền chậm nộp ngân sách cấp xã hưởng 100%

- a) Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản;
- b) Tiền chậm nộp từ thuế giá trị gia tăng của các cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ;
- c) Tiền chậm nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất;
- d) Tiền chậm nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;
- đ) Tiền chậm nộp lệ phí trước bạ nhà, đất;
- e) Tiền chậm nộp các loại phí, lệ phí do cấp xã thực hiện;
- g) Các khoản thu chậm nộp của các khoản thu khác còn lại do Ủy ban nhân dân xã quản lý.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khoá XVIII, Kỳ họp thứ 04 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành văn bản và áp dụng trong thời kỳ ổn định ngân sách./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

#### **Bản điện tử:**

- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin "Đại biểu dân cả tỉnh Bắc Giang";
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng HĐND tỉnh.

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Văn Hải**





**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 324/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2016

## **THÔNG TƯ**

### **Quy định Hệ thống Mục lục ngân sách nhà nước**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*  
*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*  
*Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước;*  
*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước.*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước áp dụng trong công tác lập dự toán; quyết định, phân bổ, giao dự toán; chấp hành, kế toán, quyết toán các khoản thu, chi ngân sách nhà nước, bao gồm: Chương; Loại, Khoản; Mục, Tiểu mục; Chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia; Nguồn ngân sách nhà nước; Cấp ngân sách nhà nước.

##### **2. Đối tượng áp dụng**

- a) Cơ quan có nhiệm vụ quản lý thu, chi ngân sách nhà nước các cấp.
- b) Đơn vị dự toán ngân sách, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.
- c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan.

#### **Điều 2. Phân loại mục lục ngân sách nhà nước theo “Chương”**

##### **1. Nội dung phân loại**

Chương dùng để phân loại thu, chi ngân sách nhà nước dựa trên cơ sở hệ thống tổ chức của các cơ quan, tổ chức trực thuộc một cấp chính quyền (gọi chung là cơ quan chủ quản) được tổ chức quản lý ngân sách riêng. Mỗi cấp ngân

sách bố trí một Chương đặc biệt (Các quan hệ khác của ngân sách) để phản ánh các khoản thu, chi ngân sách không thuộc dự toán giao cho các cơ quan, tổ chức.

## 2. Mã số hóa nội dung phân loại

a) Chương được mã số hoá theo 3 ký tự theo từng cấp quản lý: Đối với cơ quan ở cấp trung ương, mã số từ 001 đến 399; đối với cơ quan ở cấp tỉnh, mã số từ 400 đến 599; đối với cơ quan ở cấp huyện, mã số từ 600 đến 799; đối với cơ quan cấp xã, mã số từ 800 đến 989.

### b) Cách thức bố trí

Đối với cơ quan chủ quản hoặc đơn vị, tổ chức kinh tế được bố trí mã riêng cho từng cơ quan chủ quản hoặc đơn vị, tổ chức kinh tế; các đơn vị trực thuộc cơ quan chủ quản (hoặc thuộc đơn vị, tổ chức kinh tế cấp trên) được sử dụng mã Chương của cơ quan chủ quản (đơn vị, tổ chức kinh tế cấp trên).

Đối với các đơn vị, tổ chức kinh tế hoặc cá nhân độc lập, có cùng tính chất được bố trí mã Chương chung cho các đơn vị.

## 3. Nguyên tắc hạch toán

a) Các khoản thu ngân sách nhà nước hạch toán theo Chương của đơn vị quản lý và có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; các khoản chi ngân sách nhà nước của đơn vị sử dụng ngân sách, dự án đầu tư hạch toán theo Chương cơ quan chủ quản. Căn cứ mã số Chương nằm trong khoảng cấp nào, để xác định Chương đó thuộc cấp quản lý tương ứng.

### b) Các trường hợp ủy quyền

- Trường hợp cơ quan, đơn vị được cơ quan thu ủy quyền thu, hạch toán theo Chương của cơ quan ủy quyền thu. Riêng các khoản thu do cơ quan thuế, cơ quan hải quan ủy quyền thu hạch toán vào chương người nộp.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí uỷ quyền của cơ quan khác, hạch toán theo Chương của cơ quan uỷ quyền chi.

## 4. Danh mục mã Chương

Danh mục mã Chương được quy định chi tiết tại Phụ lục số I ban hành kèm theo Thông tư này. Sở Tài chính hướng dẫn việc hạch toán mã số Chương trên địa bàn để phù hợp với thực tế tổ chức ở địa phương; không ban hành mã số khác với Thông tư này.

## **Điều 3. Phân loại mục lục ngân sách nhà nước theo “Loại, Khoản”**

### 1. Nội dung phân loại

Quyết định số 63/2008/QĐ-BTC ngày 01/08/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hết hiệu lực từ năm ngân sách 2017.

b) Từ năm ngân sách 2018 trở đi thực hiện thống nhất theo quy định tại thông tư này. Việc chuyển đổi mã số hạch toán ngành, lĩnh vực đầu tư theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và lĩnh vực chi ngân sách nhà nước theo Luật Ngân sách nhà nước số 83/2016/QH13 sang danh mục mã số nhiệm vụ chi mới được thực hiện theo Bảng chuyển đổi số 02/BCĐ kèm theo Thông tư này.

3. Thông tư này thay thế Quyết định số 33/2008/ QĐ-BTC ngày 02/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư bổ sung, sửa đổi: số 136/2009/TT-BTC ngày 02/7/2009, số 69/2009/TT-BTC ngày 03/4/2009, số 223/2009/TT-BTC ngày 25/11/2009, số 26/2010/TT-BTC ngày 25 /02/2010, số 143/2010/TT -BTC ngày 22/9/2010, số 198/2010/TT-BTC ngày 08/12/2010, số 30/2011/TT-BTC ngày 02/3/2011, số 57/2011/TT-BTC ngày 05/5/2011, số 144/2011/TT-BTC ngày 21/10/2011, số 110/2012/TT-BTC ngày 03/7/2012, số 217/2012/TT-BTC ngày 17/12/2012, số 97/2013/TT-BTC ngày 23/7/2013, số 192/2014/TT-BTC ngày 12/12/2014, số 56/2016/TT-BTC ngày 25/3/2016, số 300/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016; Quyết định số 54/QĐ-BTC ngày 12/01/2011; Công văn số 7472/BTC-NSNN ngày 10/6/2010 về việc cấp mã số cho các chương trình, dự án của Bộ Giáo dục và Đào Tạo, Công văn số 7423/BTC-NSNN ngày 05/6/2014 về việc cấp mã dự án của Bộ Giáo dục và Đào Tạo kể từ ngày hiệu lực nêu tại Khoản 1, Điều 8 Thông tư này. Riêng các mã số Bộ Tài chính đã cấp cho chương trình, mục tiêu “Xử lý chất độc da cam Dioxin” hạch toán theo quy định tại Thông tư số 147/2013/TT-BTC ngày 23/10/2013 và “Hoạt động bình đẳng giới và sự tiến bộ phụ nữ” hạch toán theo quy định tại Thông tư số 104/2014/TT-BTC ngày 07/08/2014 của Bộ Tài chính; các mã chương trình, mục tiêu, dự án do địa phương quyết định đã được Bộ Tài chính cấp mã số, được sử dụng mã số đã được cấp.

#### **Điều 9. Tổ chức thực hiện**

Hệ thống Mục lục ngân sách nhà nước được quy định thống nhất toàn quốc.

Việc chuyển đổi số dư từ mã Mục lục ngân sách nhà nước cũ sang mã Mục lục ngân sách nhà nước ban hành tại Thông tư này bảo đảm phản ánh đầy đủ thông tin, không làm thay đổi nội dung kinh tế của số dư. Bộ Tài chính có công văn riêng hướng dẫn bảng chuyển đổi (ánh xạ).

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương các đoàn thể và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện Thông tư này.

Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thi hành Thông tư này. /.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản- Bộ Tư pháp;
- Sở Tài chính, KBNN, Cục thuế, Cục Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KBNN ( 480 bản)

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



Huyện Quang Hải

		4653	Bổ sung có mục tiêu bằng vốn viện trợ không hoàn lại	
		4654	Bổ sung có mục tiêu bằng vốn trong nước	
<b>Mục</b>	<b>4700</b>		<b>Thu từ các khoản hoàn trả giữa các cấp ngân sách</b>	(các khoản vay, tạm ứng giữa các cấp ngân sách không hạch toán vào mục này)
Tiểu mục		4701	Các khoản hoàn trả phát sinh trong niên độ ngân sách	
		4702	Các khoản hoàn trả phát sinh ngoài niên độ ngân sách năm trước	
		4703	Thu từ khoản ngân sách cấp khác chi hoàn trả các khoản điều tiết sai các năm trước	
		4749	Khác	
<b>Mục</b>	<b>4750</b>		<b>Thu từ Quỹ dự trữ tài chính</b>	
Tiểu mục		4751	Quỹ dự trữ tài chính	
<b>Mục</b>	<b>4800</b>		<b>Thu kết dư ngân sách</b>	
Tiểu mục		4801	Thu kết dư ngân sách	
<b>Mục</b>	<b>4850</b>		<b>Thu từ hỗ trợ của địa phương khác</b>	
Tiểu mục		4851	Thu từ hỗ trợ của địa phương khác	
<b>Tiểu nhóm 0122:</b>			<b>Các khoản thu khác</b>	
<b>Mục</b>	<b>4900</b>		<b>Các khoản thu khác</b>	
Tiểu mục		4901	Thu chênh lệch tỷ giá ngoại tệ của ngân sách	
		4902	Thu hồi các khoản chi năm trước	
		4904	Các khoản thu khác của ngành Thuế	
		4905	Các khoản thu khác của ngành Hải quan	
		4906	Tiền lãi thu được từ các khoản vay nợ, viện trợ của các dự án	
		4907	Thu chênh lệch giá bán trái phiếu so với mệnh giá	
		4908	Thu điều tiết từ sản phẩm lọc hoá dầu	
		4913	Thu từ các quỹ của doanh nghiệp xổ số kiến thiết theo quy định	
		4914	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa	
		4917	Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân	
		4918	Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí)	
		4919	Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí	
		4921	Tiền chậm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng	

			sản đối với Giấy phép do cơ quan trung ương cấp phép
		4922	Tiền chậm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với Giấy phép do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép
		4923	Tiền chậm nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với giấy phép do cơ quan trung ương cấp phép
		4924	Tiền chậm nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với giấy phép do cơ quan địa phương cấp phép
		4925	Tiền chậm nộp thuế tài nguyên dầu, khí (không kể tiền chậm nộp thuế tài nguyên thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò khai thác dầu, khí)
		4926	Tiền chậm nộp thuế tài nguyên về dầu thô thu theo hiệp định, hợp đồng.
		4927	Tiền chậm nộp thuế tài nguyên khác còn lại.
		4928	Tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng từ hàng hóa nhập khẩu
		4929	Tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí
		4931	Tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng từ hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước khác còn lại
		4932	Tiền chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu
		4933	Tiền chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu bán ra trong nước.
		4934	Tiền chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước khác còn lại
		4935	Tiền chậm nộp thuế xuất khẩu
		4936	Tiền chậm nộp thuế nhập khẩu
		4937	Tiền chậm nộp thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu
		4938	Tiền chậm nộp thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu bán ra trong nước
		4939	Tiền chậm nộp thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước còn lại
		4941	Tiền chậm nộp các khoản thu từ hoạt động xổ số kiến thiết
		4942	Tiền chậm nộp đối với các khoản thu khác còn lại về dầu khí
		4943	Tiền chậm nộp các khoản khác điều tiết 100% ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật do ngành thuế quản lý
		4944	Tiền chậm nộp các khoản khác điều tiết 100% ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật do ngành thuế quản lý
		4945	Tiền chậm nộp các khoản khác theo quy định của pháp luật do ngành hải quan quản lý
		4946	Tiền chậm nộp các khoản khác điều tiết 100% ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật do ngành khác quản lý
		4947	Tiền chậm nộp các khoản khác điều tiết 100% ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật do ngành khác quản lý
		4949	Các khoản thu khác (bao gồm các khoản thu nợ

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3016 /BTC- KBNN

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2017

V/v xây dựng quy định phân chia nguồn thu tiền chậm nộp NSDP được hưởng theo quy định cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương

SỞ TÀI CHÍNH BẮC GIANG  
CÔNG VĂN ĐẾN  
SỐ: .../...  
NGÀY 14 THÁNG 7 NĂM 2017

gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Ngày 15/11/2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 300/2016/TT-BTC quy định sửa đổi, bổ sung hệ thống mục lục ngân sách nhà nước. Theo đó đã bổ sung 28 tiểu mục chậm nộp (không kể tiền nộp do chậm thi hành quyết định xử phạt VPHC) để theo dõi, phân chia cho các cấp ngân sách tiền chậm nộp được quy định tại Thông tư số 326/2016/TT-BTC ngày 23/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2017. Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 326/2016/TT-BTC quy định: Các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100%, ngân sách địa phương hưởng 100% và khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, bao gồm cả khoản tiền thuế chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Tuy nhiên, do nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh của các địa phương về phân chia nguồn thu ngân sách được thông qua vào giữa tháng 12 năm 2016, trước khi Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 326/2016/TT-BTC nêu trên, nên chưa đề cập đến việc phân chia đối với khoản thu tiền chậm nộp theo quy định nêu trên, đặc biệt chưa quy định phân chia cho từng cấp ngân sách trong nội bộ địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã). Vì vậy, chưa có cơ sở pháp lý để phân chia khoản thu tiền chậm nộp cho các cấp ngân sách tại từng địa phương.

2. Để giải quyết vướng mắc nêu trên, đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc phân chia nguồn thu quy định tại Thông tư số 188/2010/TT-BTC ngày 22/11/2010 của Bộ Tài chính quy định tiêu thức phân cấp nguồn thu và phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương và Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước:

Nguyên tắc phân chia nguồn thu quy định tại Khoản 1, Điều 2 của Thông tư số 188/2010/TT-BTC ngày 22/11/2010 của Bộ Tài chính: "...hạn chế phân chia các nguồn thu có quy mô nhỏ cho nhiều cấp; hạn chế sử dụng nhiều tỷ lệ phân chia khác nhau đối với từng khoản thu cũng như giữa các đơn vị hành chính trên địa bàn."

Nguyên tắc phân chia nguồn thu quy định tại Khoản 1 Điều 7 của Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính: "*Nguồn thu gắn với vai trò quản lý của cấp chính quyền nào thì phân cấp cho ngân sách cấp chính quyền đó*".

Đề nghị Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân quy định việc phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương theo hướng:

- Đối với khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng và được hạch toán riêng theo từng tiểu mục quy định tại Thông tư số 300/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính: Thực hiện phân chia theo khoản thu phát sinh tiền chậm nộp.

- Đối với khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng nhưng không được hạch toán riêng theo từng khoản thu, thực hiện phân chia theo nguyên tắc: Số thu tiền chậm nộp từ người nộp gắn với cấp nào quản lý thì phân chia cho ngân sách cấp đó, không phân chia cho nhiều cấp ngân sách. Ví dụ: tiền chậm nộp các khoản thuế môn bài, thuế sử dụng đất nông nghiệp, lệ phí trước bạ nhà đất, thu khác v.v... , nếu cấp huyện quản lý thì phân chia cho ngân sách cấp huyện (các khoản thu tiền chậm nộp này được hạch toán tại tiểu mục: 4944 - *Tiền chậm nộp các khoản khác còn lại theo quy định của pháp luật do ngành thuế quản lý* và Tiểu mục 4947- *Tiền chậm nộp các khoản khác còn lại theo quy định của pháp luật do ngành khác quản lý*); hoặc tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước còn lại do tổ chức thuộc cấp tỉnh quản lý nộp ngân sách (*được hạch toán ở tiểu mục 4931*) thì phân chia cho ngân sách cấp tỉnh v.v.... Trong đó, khoản thu tiền chậm nộp do đơn vị thuộc cấp trung ương quản lý nộp ngân sách nhưng địa phương được hưởng thì phân chia cho ngân sách cấp tỉnh.

Bộ Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quan tâm, tổ chức thực hiện./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Tài chính các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan;
- Vụ Pháp chế, Vụ NSNN;
- Lưu VT, KBNN (4/0 bản).



Huỳnh Quang Hải



Số: 230 /BC-STP

Bắc Giang, ngày 16 tháng 8 năm 2017

## BÁO CÁO

### Thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định tỷ lệ phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017-2020

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1211/STC-QLNS ngày 09/8/2017 của Sở Tài chính về việc thẩm định dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND về quy định tỷ lệ phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017-2020. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

#### 1. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng nêu tại Điều 1 của dự thảo Nghị quyết đã đảm bảo đầy đủ, bao quát được nội dung văn bản.

#### 2. Về tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật

##### 2.1. Về thẩm quyền ban hành

Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định tỷ lệ phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017-2020 là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Thông tư số 326/2016/TT-BTC ngày 23/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2017.

##### 2.2. Về nội dung văn bản

Nội dung dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành.

#### 3. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản

Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày của dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.



#### 4. Về điều kiện trình UBND tỉnh

Dự thảo Nghị quyết này đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND về quy định tỷ lệ phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017-2020, đề nghị Sở Tài chính hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh theo quy định. *ll*

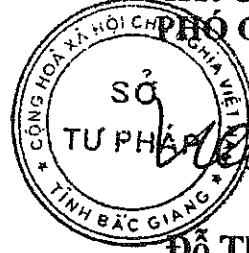
**Nơi nhận:**

Lưu: VT, XD&KTrVBH

**Bản điện tử:**

- Sở Tài chính;

- Lãnh đạo Sở.



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

*Đỗ Thị Việt Hà*  
**Đỗ Thị Việt Hà**



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH BẮC GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 129/BC-KTNS

Bắc Giang, ngày 21 tháng 11 năm 2017

## BÁO CÁO

### Thẩm tra dự thảo Nghị quyết Quy định tỷ lệ phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2017 - 2020

Được sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách tổ chức thẩm tra dự thảo Nghị quyết Quy định tỷ lệ phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2017 - 2020. Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả như sau:

#### 1. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 quy định Hệ thống Mục lục ngân sách nhà nước. Thông tư đã bổ sung 28 tiểu mục chậm nộp để theo dõi, phân chia cho các cấp ngân sách tiền chậm nộp. Các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100%, ngân sách địa phương hưởng 100% và các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương được quy định tại Thông tư số 326/2016/TT-BTC ngày 23/12/2016 và Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

Tại khoản 2 Điều 1 Thông tư 326/2016/TT-BTC ngày 23/12/2016 quy định "UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp chính quyền địa phương phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương cho thời kỳ ngân sách mới". Mặt khác, tại Công văn số 9076/BTC-KBNN ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính quy định: "Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân quy định việc phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương".

Từ căn cứ trên, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định tỷ lệ phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2017 - 2020 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

#### 2. Về trình tự, thủ tục

Nội dung, thể thức dự thảo Nghị quyết đã được xây dựng đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Khoản 2, Điều 1 Thông tư số 326/2016/TT-BTC ngày 23/12/2016 của Bộ Tài chính; dự thảo nghị quyết đã được tổ chức lấy ý kiến của các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố và được UBND tỉnh thông qua.

#### 3. Về nội dung

Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản nhất trí với nội dung quy định tỷ lệ phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2017 - 2020. Tỷ lệ phân chia nguồn thu tiền chậm nộp đảm bảo phù

hợp phân cấp nguồn thu và phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương theo Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh, theo quy định của dự thảo nghị quyết sẽ hạn chế phân chia các nguồn thu có quy mô nhỏ cho nhiều cấp; hạn chế sử dụng nhiều tỷ lệ phân chia khác nhau. Các khoản thu tiền chậm nộp thuộc nguồn thu gốc được điều tiết cho cấp nào thì phân chia khoản thu tiền chậm nộp cho ngân sách cấp đó hưởng 100%. Tuy nhiên, để dự thảo Nghị quyết đầy đủ hơn, đề nghị UBND tỉnh bổ sung một số nội dung sau:

- Đối với tiền chậm nộp các khoản phí và lệ phí của cấp nào cấp /đó thực hiện đảm bảo thống nhất theo Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh.

- Về hiệu lực của Nghị quyết: Có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và áp dụng trong thời kỳ ổn định ngân sách.

Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định tỷ lệ phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2017 – 2020, đề nghị các đại biểu HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Lưu: VT, TH.P. yểm

**Bản điện tử:**

- UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các đại biểu dự kỳ họp HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Kim Phương**

UBND TỈNH BẮC GIANG

SỞ TÀI CHÍNH



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 16 tháng 8 năm 2017

## BÁO CÁO

### TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA VÀO DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH TỶ LỆ PHÂN CHIA NGUỒN THU TIỀN CHẬM NỘP CHO NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2017 - 2020

Ngày 01/8/2017, Sở Tài chính có Công văn số 1179/STC-QLNS gửi các ngành, UBND các huyện, thành phố về tham gia vào dự thảo Nghị quyết của HĐND về Quy định tỷ lệ phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2017 - 2020.

Về cơ bản các đơn vị nhất trí với nội dung quy định tại dự thảo.

Tuy nhiên có 2 đơn vị đề nghị:

1. UBND huyện Lạng Giang đề nghị quy định bổ sung: ngân sách cấp huyện, thành phố hưởng 100% tiền chậm nộp từ các sắc thuế: thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, thuế TTĐB thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước của các doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, HTX sản xuất kinh doanh dịch vụ; Tiền chậm nộp thu tiền thuê mặt đất, mặt nước của các doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, HTX sản xuất kinh doanh dịch vụ. Ngân sách cấp xã hưởng 100% tiền chậm nộp từ thuế GTGT của các cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ. Sở Tài chính tiếp thu và đã chỉnh sửa.

2. Cục thuế đề nghị điều tiết 100% ngân sách cấp tỉnh tiền chậm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép do UBND tỉnh cấp.

Sở Tài chính không chỉnh sửa.

Lý do: Để đảm bảo phù hợp phân cấp nguồn thu và phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương theo Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định phân cấp ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017 - 2020, dự thảo Nghị quyết xây dựng theo hướng các khoản thu tiền chậm nộp thuộc nguồn thu gốc được điều tiết cho cấp nào thì phân chia khoản thu tiền chậm nộp cho ngân sách cấp đó. Mặt khác, tại Khoản 1, Điều 2 Thông tư số 188/2010/TT-BTC ngày 22/11/2010 của Bộ Tài chính quy định tiêu thức phân cấp nguồn thu và phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương: "...hạn

chế phân chia các nguồn thu có quy mô nhỏ cho nhiều cấp". Tại khoản 10 Điều 16 Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND quy định: khoản thu cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép do UBND tỉnh cấp điều tiết 60% ngân sách huyện, thành phố và 40% xã, phường, thị trấn. Do vậy, dự thảo Nghị quyết quy định ngân sách cấp huyện, thành phố hưởng 100% thu tiền chậm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép do UBND tỉnh cấp.

Vậy, Sở Tài chính tổng hợp ý kiến tham gia của các đơn vị báo cáo UBND tỉnh, HĐND tỉnh./.

**SỞ TÀI CHÍNH**